KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO 2019
NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN ĐIỆN TỬ
CHUYÊN NGÀNH ĐIỆN TỬ CÔNG NGHIỆP

TT	Mã MH	Tên Môn học, học phần	Số tín chỉ	Thời gian (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
Học kỳ 1: 17 Tín chỉ							
Môn học bắt buộc			**17**				
1	228255	Kỹ thuật điện tử	2	30	15	13	2
2	228090	An toàn điện và môi trường công nghiệp	2	30	15	13	2
3	228040	Mạch điện	3	45	20	22	3
4	222033	Toán ứng dụng A	3	45	13	29	3
5	228056	Thực tập điện cơ bản	2	60	6	52	2
6	229126	Tin học	3	75	15	58	2
7	228057	Thực tập điện tử cơ bản	2	60	6	52	2
	Học kỳ 2: 16 Tín chỉ (không tính môn học GDTC)						
Môn học bắt buộc			**16**				
8	228183	Thiết kế mạch điện tử	2	60	6	52	2
9	228261	Kỹ thuật số	2	30	15	13	2
10	228272	Trang bị điện ngành điện tử	3	75	12	60	3
12	228047	PLC	2	30	15	13	2
13	228006	Điện tử công suất	2	30	15	13	2
14	224003 200001	Anh văn 1/Tiếng Nhật 1	3	45	18	24	3
15	228058	Thực tập điện tử nâng cao	2	60	6	52	2
Môn học Giáo dục thể chất 1 tự chọn			**2**				
16.1	234002	Bóng chuyền 1	2	30	6	22	2
16.2	234006	Bóng đá 1	2	30	6	22	2
16.3	234007	Bóng rổ 1	2	30	6	22	2
16.4	234008	Cầu lông 1	2	30	6	22	2
16.5	234009	Aerobic 1	2	30	6	22	2
	Học kỳ 3: 15 Tín chỉ (không tính môn học GDTC)						
Môn học bắt buộc			**15**				
17	228060	Thực tập kỹ thuật số	2	60	6	52	2
18	228196	Thực tập PLC	2	60	5	53	2

19	228049	Thí nghiệm điện tử công suất	2	60	6	52	2
20	224004 200002	Anh văn 2/Tiếng Nhật 2	3	45	18	24	3
21	228192	Vi điều khiển	2	30	15	13	2
22	228263	PLC nâng cao	2	30	15	13	2
23	228264	Thực tập PLC nâng cao	2	60	10	48	2
Môn học Giáo dục thể chất 2 tự chọn			**2**				
24.1	234003	Bóng chuyền 2	2	30	6	22	2
24.2	234010	Bóng đá 2	2	30	6	22	2
24.3	234011	Bóng rổ 2	2	30	6	22	2
24.4	234013	Cầu lông 2	2	30	6	22	2
24.5	234014	Aerobic 2	2	30	6	22	2
	Học kỳ 4: 17 Tín chỉ						
Môn học bắt buộc			**13**				
25	224016 200003	Anh văn 3/Tiếng Nhật 3	3	45	18	24	3
26	228262	Vi điều khiển nâng cao	2	30	15	13	2
27	227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	40	20	18	2
28	228273	Thực tập vi điều khiển	3	90	9	81	3
29	228207	Chuyên đề thực tế doanh nghiệp ngành Điện tử công nghiệp	1	45	0	44	1
30	228160	AutoCad (điện)	2	60	10	48	2
Môn học chung tự chọn			**2**				
31.1	226035	Soạn thảo văn bản	2	30	15	13	2
31.2	222013	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	30	15	13	2
31.3	222017	Tiếng Việt thực hành B	2	30	15	13	2
Môn học chuyên môn tự chọn			**2**				
32.1	228018	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2	30	15	13	2
32.2	229005	Kiến trúc máy tính	2	40	20	18	2
32.3	228048	Robot công nghiệp (Điện)	2	30	15	13	2
32.4	228054	Thiết bị tự động	2	30	15	13	2
32.5	228023	Hệ thống SCADA	2	30	15	13	2
32.6	228077	Tự động hóa công nghiệp	2	30	15	13	2
	Học kỳ 5: 17 Tín chỉ (không tính môn học GDQP và AN)						
Môn học bắt buộc			**17**				
33	228014	Đồ án Vi điều khiển	1	45	0	44	1
34	228274	Chuyên đề kỹ thuật cảm biến	2	60	6	52	2
35	228271	Lập trình điều khiển trên thiết bị di động Android.	3	75	12	60	3
36	226020	Pháp luật đại cương	2	30	18	10	2
37	228083	Anh văn chuyên ngành	2	30/30	12/15	16/13	2/2

	200004	điện/Tiếng Nhật 4					
38	223008	Chính trị	5	75	41	29	5
39	234012	Giáo dục Quốc phòng và an ninh	5	75	57	13	5
40	222035	Kỹ năng mềm	2	30	6	22	2
	Học kỳ 6: 10 Tín chỉ						
Môn học bắt buộc			**5**				
41	228247	Thực tập tốt nghiệp (Điện tử)	5	225	0	220	5
Môn học tự chọn			**5**				
42.1	228101	Đồ án tốt nghiệp (Điện tử)	5	225	0	220	5
Môn học thay thế Đồ án tốt nghiệp							
42.2	228163	Chuyên đề công nghệ điện tử	2	30	15	13	2
42.3	228170	Chuyên đề công nghệ tự động	3	45	15	27	3